

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST
Ngày 04-4-2023
V/v “Tranh chấp hôn nhân gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Ngọc Biên

Bà Đinh Thị Thu Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Chi- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Mạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2023/TLST-HNGĐ, ngày 12/01/2023 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang;

- Bị đơn: Anh **Thân Văn T**, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 10 tháng 01 năm 2023, biên bản lấy lời khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:* Chị và anh Thân Văn T tổ chức cưới hỏi ngày 24/12/2006 (âm lịch) trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 10/01/2007 tại UBND xã Tiền P, huyện Y số 02/2007.

Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng anh T và làm dâu gia đình anh T ngay. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống.

Anh T ham chơi, không quan tâm chăm sóc vợ con, và vướng vào tệ nạn xã hội ma túy. Năm 2019 anh T vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án tại trại giam. Thực tế anh chị đã sống ly thân từ 2013 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn, chị xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là Thân Thị Hà P, sinh ngày 23/10/2007 và cháu Thân Thị Phương D, sinh ngày 16/12/2012. Khi ly hôn chị đề nghị giao cả 02 con chung Thân Thị Hà P, Thân Thị Phương D cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị. Trường hợp anh T yêu cầu nuôi con chung chị không đồng ý vì bản thân anh T nghiện ma túy nhiều năm nay, hiện nay anh T vẫn đang uống methadone thường xuyên. Anh T không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập nên không thể chăm sóc con chung được. Bản thân chị Hiện nay đang làm nghề tự do. Cụ thể là kinh doanh làm đẹp ở thành phố Bắc Ninh. Thu nhập của Chị Hng tháng là 13.000.000 đồng/01 tháng. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay con chung đều do chị chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, ruộng đất nông nghiệp: Chị H xác định vợ chồng không có gì nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Thân Văn T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn từ năm 2006 (âm lịch) trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiền P số 02/2007 ngày 10/01/2007. Sau khi kết hôn Chị H về chung sống cùng anh ngay. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc và đã có 02 con chung. Năm 2019 anh vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án ở trại giam Tân Lập, Chị H có lên thăm gặp anh 1 lần và nói chuyện chị H đi xuất khẩu lao động. Tháng 2/2020 anh trở về địa phương, chị H khi đó đang đi xuất khẩu lao động tại Cộng hòa Ship, thời gian này anh chị vẫn liên lạc với nhau. Từ giữa năm 2021 anh và chị H ít liên lạc dần, chị H có liên hệ từ nước ngoài về bảo anh ở nhà làm thủ tục ly hôn nhưng anh không làm. Theo anh T xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì to tát, chỉ do việc chị H đi xuất khẩu lao động thì anh và gia đình anh không đồng ý nên từ đó dẫn đến vợ chồng có những bất đồng trong quan điểm sống và trong làm ăn kinh tế.

Đầu tháng 01/2023 chị H trở về nước nhưng không về chung sống cùng anh mà về thẳng nhà bố mẹ đẻ chị H sinh sống, anh đã đến gặp chị H gọi chị H về chung sống cùng anh nhiều lần nhưng chị H không quay về chung sống cùng anh, từ đó dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn cãi nhau, trong lúc nóng giận anh có tát chị H 2 cái.

Nay chị H xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh tha thiết mong chị H quay về chung sống cùng anh nuôi dạy con cái và đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng anh, chị đoàn tụ chung sống cùng nhau.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Thân Thị Hà P, sinh ngày 23/10/2007 và Thân Thị Phương D, sinh ngày 16/12/2012. Hiện nay 02 con chung đều đang ở cùng chị H. Trường hợp Tòa án giải quyết cho chị H ly hôn anh, anh đề nghị Tòa án giao cả 2 con chung Thân Thị Hà P và Thân Thị Phương D cho anh

trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh. Khi Tòa án quyết định giao con chung cho ai nuôi dưỡng, anh đề nghị Tòa án xem xét đến nguyện vọng của con chung xem các cháu muốn được ở với ai.

Về tài sản, công nợ chung, ruộng đất nông nghiệp: Anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử công bố lời khai của nguyên đơn, của bị đơn, của con chung và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

- Quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật: Không tham gia các phiên tòa xét xử vụ án, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 31/01/2023.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39; 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Thân Văn T.

+ Về con chung: Giao con chung Thân Thị Hà P, sinh ngày 23/10/2007 và Thân Thị Phương D, sinh ngày 16/12/2012 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp đủ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn có đơn xin ly hôn anh Thân Văn T, anh T có hộ khẩu thường trú tại Thôn Q, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Thân Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang số 02/2007 ngày 10/01/2007 nên quan hệ hôn nhân giữa Chị H và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống không có hạnh phúc nên xin ly hôn với anh T. Anh T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn anh không đồng ý ly hôn với chị H. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, bản thân anh T tuy mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng anh không có biện pháp nào tích cực cải thiện tình cảm vợ chồng.

Anh T xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì to tát nhưng qua lời khai của chị H và xác minh tại địa phương cho thấy vợ chồng anh chị có mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T ham chơi và sa đà vào tệ nạn ma túy, anh T là đối tượng nghiện ma túy ở địa phương nhiều năm nay, từ đó dẫn đến vợ chồng có mâu thuẫn. Năm 2019 chị H đi xuất khẩu lao động còn anh T đi chấp hành án phạt tù ở trại giam nên vợ chồng anh chị ly thân từ đó. Đầu tháng 01/2023 Chị H trở về nước nhưng vợ chồng anh chị vẫn sống ly thân, anh T đã nhiều lần gọi chị H về chung sống cùng nhau nhưng chị H không quay về. Do vậy HĐXX xác định hôn nhân giữa chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị H được ly hôn với anh T.

2.2]. Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là cháu Thân Thị Hà P, sinh ngày 23/10/2007 và cháu Thân Thị Phương D, sinh ngày 16/12/2012. Hiện nay con chung đang ở cùng chị H. Nay ly hôn, chị H đề nghị được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 2 con chung. Phía anh T không đồng ý để chị H nuôi 02 con chung, anh đề nghị Tòa án giao cả 02 con chung cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trên cơ sở có xem xét đến nguyện vọng của con chung muốn được ở cùng với ai.

Về yêu cầu này của chị H, anh T, Hội đồng xét xử thấy: Cháu P và cháu D hiện đang sinh sống cùng chị H, các cháu đều có nguyện vọng muốn được ở cùng chị H. Quá trình làm việc và qua xác minh tại địa phương cũng xác nhận chị H hiện nay đang đi làm kinh doanh tự do, thu thập 13.000.000 đồng/tháng đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Về phía anh T, Hội đồng xét xử thấy: Bản thân anh T là người nghiện ma túy nhiều năm nay, anh T có đi làm công việc tại lò giết mổ gia súc ở địa phương nhưng công việc bấp bênh, thu nhập không ổn định. Sau khi hòa giải, Tòa án đã đến gặp anh T tổng đạt nhiều lần nhưng anh T không có nhà, Công an xã T xác nhận và cho biết anh T là đối tượng nghiện ma túy ở địa phương nên gần đây anh T hay đi lang thang, lúc ở chỗ này, mai ở chỗ khác, thi thoảng anh T vẫn về nhà vào buổi tối hoặc tranh thủ lúc nhát rồi lại đi. Do vậy Hội đồng xét xử thấy điều kiện để trực tiếp chăm sóc, giáo dục con chung của anh T không đảm bảo bằng chị H. Bản thân anh cũng đề nghị Tòa án khi giao con chung nên xem xét đến nguyện vọng của con chung muốn được

ở cùng ai để làm cơ sở giao con chung cho ai trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng khi ly hôn.

Từ những phân tích trên, để đảm bảo cuộc sống của cháu P, cháu D ổn định và phát triển tốt nhất về thể chất cũng như tinh thần, Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu Thân Thị Hà P và Thân Thị Phương D cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung, đây là sự tự nguyện của chị H nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh T được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này là phù hợp với các điều 58, 82 Luật hôn nhân gia đình.

[3.3]. Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp: Chị H và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Thân Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Thân Thị Hà P, sinh ngày 23/10/2007 và Thân Thị Phương D, sinh ngày 16/12/2012.

Anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009839 ngày 12/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y. Xác nhận chị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Các đương sự;
- UBND xã Tiền P;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Dung